

Bản án số: **286/2021/HSPT**
Ngày: 23-6-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Xuân Thành**

Các thẩm phán: Ông **Trương Minh Tuấn**

Ông **Vũ Thanh Liêm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Lê Ra**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 23 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 73/TLPT-HS ngày 29 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo: Đinh Phương N về tội “*Tham ô tài sản*” Nguyễn Văn L, D Văn C và Lê Mạnh H về tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 34/2020/HS-ST ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. ĐINH PHƯƠNG N: Sinh năm 1980 tại Bình Định; Trú tại: Bình Định; nghề nghiệp: thợ cơ điện; trình độ văn hóa: 9/12; con ông: Đinh Văn L – sinh năm: 1950; con bà: Quách Thị M – sinh năm: 1963; có vợ: Trịnh Thị Ngọc H – sinh năm: 1980; có 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày: 28/8/2019. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. NGUYỄN VĂN L: Sinh năm 1981 tại Bình Định; Trú tại: thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Phó giám đốc Công ty TNHH may V B; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Nguyễn Văn Q (chết); con bà: Nguyễn Thị M – sinh năm:

1945; có vợ: Lý Mỹ H – sinh năm: 1981, có 01 con; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo tại ngoại có mặt.

3. DƯƠNG VĂN C: Sinh năm 1973 tại Bình Định; Trú tại: Bình Định; nghề nghiệp: Phó giám đốc Công ty TNHH may V B; trình độ văn hóa: 9/12; con ông: D Văn Q – sinh năm: 1952; con bà: Ngô Thị Mỹ D – sinh năm: 1954; có vợ: Bành Thị D – sinh năm: 1992, có 02 con; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo tại ngoại có mặt.

4. LÊ MẠNH H: Sinh năm 1971 tại Bình Định; Trú tại: Tp. Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Phó giám đốc Công ty TNHH may V B; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Lê Bá C – sinh năm: 1947; con bà: Nguyễn Thị S – sinh năm: 1947; có vợ: Nguyễn Thị A L – sinh năm: 1979, có 02 con; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo tại ngoại có mặt.

Người bào chữa:

1. Ông Trần Xuân V - Luật sư hoạt động tại Văn phòng luật sư H – Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng bào chữa cho bị cáo Lê Mạnh H theo yêu cầu của bị cáo.

2. Ông Lê Hoài S - Luật sư hoạt động tại Văn phòng luật sư T – Đoàn luật sư tỉnh Bình Định bào chữa cho bị cáo Đinh Phương N theo luật định.

- Ông Lê Văn K - Luật sư Chi nhánh Công ty Luật TNHH MTV X tại A bào chữa cho bị cáo Đinh Phương N theo yêu cầu của bị cáo.

3. Ông Huỳnh Ngọc A - Luật sư hoạt động tại Văn phòng luật sư Q - Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn L theo yêu cầu của bị cáo.

4. Ông Nguyễn T H - Luật sư hoạt động tại Công ty luật TNHH Y – Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo D Văn C, Lê Mạnh H theo yêu cầu của bị cáo, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- ***Nguyên đơn dân sự:*** Công ty TNHH May V B

Địa chỉ: tỉnh Bình Định.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H – Giám đốc, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH May V B, có trụ sở tại Lô A6 Cụm công nghiệp thị trấn B, huyện H được thành lập ngày vào 10/12/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp, thay đổi lần thứ nhất ngày 03/11/2014, với ngành nghề kinh doanh là may trang phục; Theo đó, ông Nguyễn Văn H giữ chức vụ Giám đốc và Đại diện theo pháp luật (Công ty này là đơn vị trực thuộc Công ty CP Đầu tư Phát triển V, có trụ sở đặt tại số thành phố Hồ Chí Minh - do Tập đoàn Dệt May Việt N sở hữu 51% cổ phần) theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, thay đổi lần thứ 4 ngày 27/5/2014. (BL số 719)

Để quản lý điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, ông Nguyễn Văn H - Giám đốc Công ty TNHH May V B ký các Quyết định bổ nhiệm cho Châu Quang V, D Văn C, Nguyễn Văn L, Lê Mạnh H giữ chức vụ phó Giám đốc. Khi đó, Nguyễn Văn H ban hành quy định hoạt động theo đúng quy chế “*Trách nhiệm, quyền hạn và quy chế tổ chức*” của Công ty và ký các Quyết định ủy quyền cho phó Giám đốc được quyền ký các văn bản ban hành nội bộ, các giấy tờ xuất nhập kho nguyên phụ kiện, thành phẩm, phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ và máy móc.

Ngày 01/03/2015, Công ty TNHH May V B có tuyển dụng Đinh Phương N (*Trú tại: huyện H*) và phân công nhiệm vụ phụ trách bộ phận cơ điện như, vận hành bảo quản, sửa chữa các thiết bị điện công nghiệp, máy may công nghiệp; lập phiếu xuất kho, theo dõi việc mượn hoặc cho các đơn vị trong ngành may mặc mượn và đòi lại máy móc, thiết bị để phục vụ sản xuất, kinh doanh. Do cần tiền tiêu xài cá nhân, nên từ ngày 28/11/2016 đến ngày 30/8/2018, Đinh Phương N đã lợi dụng chức trách, nhiệm vụ được giao, lợi dụng lòng tin của lãnh đạo và sự quản lý lỏng lẻo của Công ty, Đinh Phương N đã đưa ra những thông tin không đúng sự thật và nói dối với các nhân viên, kế toán trong Công ty lập các phiếu xuất kho, xuất máy may công nghiệp và trình lên các phó Giám đốc như: Châu Quang V, Nguyễn Văn L, D Văn C, Lê Mạnh H ký duyệt. Khi tiếp nhận các phiếu xuất kho, xuất máy ra khỏi Công ty, các phó Giám đốc Công ty như Nguyễn Văn L, D Văn C, Lê Mạnh H đã không làm tròn trách nhiệm được giao là không kiểm tra mà tin Đinh Phương N, nên đã ký các phiếu xuất kho, xuất máy ra khỏi Công ty để cho các đơn vị như: Công ty CP May T, Công ty CP May H, Công ty TNHH May V Đà Nẵng, Công ty CP Đầu tư A, Công ty TNHH May V T, Công ty CP May V H, Nhà máy may P mượn hoặc đòi lại máy, mà không tiến hành kiểm tra, kiểm soát những đơn vị nêu trên có mượn hoặc trả máy cho Công ty hay không. Chính việc kiểm tra lỏng lẻo này đã

tạo điều kiện thuận lợi cho Đinh Phương N chiếm đoạt 23 máy may công nghiệp của Công ty TNHH May V B. Sau khi chiếm đoạt tài sản, Đinh Phương N đã tìm kiếm thông tin trên mạng Facebook thì gặp Đinh H T (SN 1986, trú tại: thành phố Đà Nẵng) là người sửa chữa, mua bán máy may công nghiệp nên chào bán và nói dối “*Bán máy may cũ từ cơ sở may hoặc nói máy may của bạn N...*”. Khi đó, Đinh H T, Lê Thị Trúc N, Trần C, Phạm Ngọc A tưởng thật nên đồng ý mua. Để vận chuyển 23 máy may công nghiệp ra khỏi Công ty thì Đinh Phương N liên hệ và thuê xe ô tô tải biển số 77C -069.51 do Trần Quang P (đứng tên chủ sở hữu) để nhận vận chuyển. Khi đó, Trần Quang P điều động anh Nguyễn Văn Q, Thái Trọng P, Lê Văn T, Nguyễn Văn P (là tài xế lái xe thuê) đến Công ty TNHH May V B để nhận máy rồi chở đi đến các địa điểm như tỉnh Quảng N, Công ty TNHH S VN bán cho Đinh H T với số lượng 18 máy may công nghiệp, thu với số tiền 441.000.000đ. Bán cho Phạm Ngọc A (SN 1975, trú tại: thành phố Đà Nẵng) 01 máy thu với số tiền 64.971.000đ. Bán cho Trần C (SN 1975, trú tại : tỉnh Bình Định) 03 máy may công nghiệp thu với số tiền 96.000.000đ. Bán cho Lê Thị Trúc N (SN 1984, trú tại: TT T, huyện H, tỉnh Bình Định) 01 máy may công nghiệp thu với số tiền 70.000.000đ. Sau khi chiếm đoạt 23 máy may công nghiệp của Công ty TNHH May V B, Đinh Phương N bỏ trốn đến nhà Phạm Thị N (*em ruột, trú tại: tỉnh Ninh Bình*) rồi đến Công ty CP Đào tạo và Xuất khẩu lao động E (*trụ sở: 295 đường Phúc L, phường Phúc L, quận L Biên, thành phố H Nội*) với tên giả Phạm Văn N xin vào làm việc và nghỉ tại đây. Sau đó, đến Công ty TNHH M Vina (*có trụ sở tại: tỉnh H D*) tên giả là Phạm Văn N xin vào làm việc và ở khu tập thể Công ty đến ngày 28/8/2019 thì bị bắt.

Như vậy, tất cả 23 máy may công nghiệp mà Đinh Phương N chiếm đoạt bán với số tiền 671.971.000đ; Trong đó, đã thu hồi được 04 máy may công nghiệp trả lại cho Công ty TNHH May V B, còn 19 máy may không thu hồi được, cụ thể như sau:

** Hành vi của Đinh Phương N nói dối và cung cấp thông tin cho bộ phận kế toán lập phiếu xuất kho, xuất máy ra khỏi Công ty cho các đơn vị khác mượn 13 máy may công nghiệp. Sau đó, Đinh Phương N tự ý gọi điện thoại và thuê xe ô tô tải, biển số 77C1- 069.51 (do Trần Quang P) để nhận vận chuyển đến bán cho Trần C, Phạm Ngọc A, Đinh H T lấy số tiền 398.971.000đ; cụ thể như sau:*

- Ngày 16/9/2017, Đinh Phương N nói dối với bộ phận kế toán để lập phiếu xuất kho, xuất máy may ra khỏi Công ty TNHH May V B cho Công ty CP May T mượn 01 máy đánh nút hiệu Juki, mã số 2L1HK01021 (*do Nguyễn Văn L ký ở mục phụ trách đơn vị, Trần Thị Kim C ký ở mục người lập phiếu*). Sau đó,

Đinh Phương N thuê Trần Quang P nhận vận chuyển máy may công nghiệp chở đến thị trấn B, huyện H để bán lại cho anh Trần C với số tiền 36.000.000 đồng.

- Ngày 08/12/2017, cũng với cách thức trên, N nói dối và cho lập phiếu xuất kho, xuất máy cho Công ty CP May H mượn 01 máy đing nút hiệu Juki, mã số 2L1HC02366 (*do Nguyễn Văn L ký ở mục phụ trách đơn vị, Đinh Phương N ký ở mục phụ trách cơ điện, Trần Thị Kim C ký ở mục người lập phiếu*), nhưng thực tế Công ty CP May H không có mượn. Sau đó, Đinh Phương N thuê xe lôi của một người lạ (không rõ biển số, họ tên địa chỉ) chở đến thị trấn B bán lại cho Trần C và nói “*Máy may này của N*” nên Trần C đồng ý mua với số tiền 31.000.000đ.

- Ngày 29/01/2018, Đinh Phương N tự ý lập phiếu xuất kho, xuất 01 máy thừa khuy tròn hiệu Juki, mã số 2M5GC00012 (*do Nguyễn Văn L ký phụ trách đơn vị, Đinh Phương N ký ở mục phụ trách cơ điện, Trần Thị Kim C ký ở mục Người lập phiếu*) xuất cho Công ty TNHH May V Đà Nẵng mượn. Sau đó, Đinh Phương N tự ý gọi điện cho Công ty TNHH May V Đà Nẵng đòi lại máy và chở đến bán cho Phạm Ngọc A với số tiền 64.971.000 đồng. Khi mua, Phạm Ngọc A chuyển trả tiền qua số tài khoản của Đinh Phương N mở tại Ngân hàng X chi nhánh huyện H.

- Ngày 28/02/2018, Đinh Phương N tự lập phiếu xuất kho, xuất 01 máy đing bộ hiệu Juki, mã số 2L1GG01273 (*do D Văn C ký ở mục phụ trách đơn vị, Đinh Phương N ký ở mục phụ trách cơ điện, Trần Thị Kim C ký ở mục Người lập phiếu*) xuất cho Công ty CP May T mượn, nhưng thực tế Công ty CP May T không mượn, rồi chiếm đoạt bán cho Trần C lấy số tiền 29.000.000đ.

- Ngày 06/3/2018, Đinh Phương N tự lập phiếu xuất kho, xuất 01 máy thừa khuy tròn hiệu Juki, mã số 2M5GC 00014 (*do Nguyễn Văn L ký phụ trách đơn vị, Đinh Phương N ký ở mục phụ trách cơ điện, Nguyễn Chí T ký ở mục Người lập phiếu*) xuất cho Công ty CP Đầu tư A mượn, nhưng thực tế Công ty Cp Đầu tư A không có mượn. Sau đó, Đinh Phương N thuê Trần Quang P chủ sở hữu xe ô tô tải mang biển số 77C-069.51 để vận chuyển, nhưng Trần Quang P nhờ anh Nguyễn Văn Phong là tài xế điều khiển xe đến Công ty TNHH May V B nhận máy may, rồi vận chuyển đến tỉnh Quảng N, để N bán lại cho Đinh H T lấy số tiền 78.000.000đ.

- Ngày 09/4/2018, Đinh Phương N lập phiếu xuất kho, xuất 01 máy đing bộ hiệu Juki, mã số 2L1HG01797 (*do Nguyễn Văn L ký phụ trách đơn vị, Đinh Phương N ký ở mục phụ trách cơ điện, Trần Thị T ký ở mục Người lập phiếu*)

xuất cho Công ty CP May T mượn, rồi chiếm đoạt bán cho Đinh H T lấy số tiền 30.000.000đ.

- Ngày 25/6/2018, Đinh Phương N nói dối với bộ phận kế toán và cho lập phiếu xuất kho, xuất 01 máy thừa khuy bằng hiệu Juki, mã số 2L0HM00269(*do Lê Mạnh H ký phụ trách đơn vị, Đinh Phương N ký ở mục phụ trách cơ điện, Trần Thị T ký ở mục Người lập phiếu*) xuất cho Công ty TNHH May V T mượn. Sau đó, Đinh Phương N thuê Trần Quang P nhận vận chuyển. Lúc này, Trần Quang P điều động Nguyễn Văn Q (tái xế) đến Công ty TNHH May V B nhận vận chuyển máy may công nghiệp ra tỉnh Quảng N, để N bán lại cho Đinh H T lấy số tiền 40.000.000đ.

- Ngày 06/8/2018, Đinh Phương N lập phiếu xuất kho, xuất 01 máy thừa khuy tròn hiệu Juki, mã số 2M5HH0001(*do D Văn C ký phụ trách đơn vị, Nguyễn T L ký ở mục phụ trách Kế hoạch, Nguyễn Xuân T ký ở mục Người lập phiếu*) xuất cho Công ty CP May V H mượn, nhưng thực tế Công ty CP May H không mượn. Sau đó, chiếm đoạt bán cho Đinh H T lấy số tiền 65.000.000đ.

- Ngày 30/8/2018, Đinh Phương N lập phiếu xuất kho, xuất 05 máy một kim hiệu Juki, mã số 4DOHE15124, 4D0HE15593, 4DOHE15054, 4DOHE 14967, 4DOHE 14976, (*do Lê Mạnh H ký ở mục phụ trách đơn vị và Nguyễn T L ký ở mục phụ trách phòng kế hoạch, Phan Văn D ký ở mục người lập phiếu*) xuất cho Công ty TNHH May V T mượn, nhưng thực tế Công ty TNHH May V T không mượn. Sau đó, Đinh Phương N gọi điện thoại cho Trần Quang P thuê để vận chuyển máy may công nghiệp. Lúc này, P mới điều động cho Lê Văn T (tái xế) đến Công ty TNHH May V B nhận máy rồi vận chuyển đến tỉnh Quảng N để Đinh Phương N bán lại cho Đinh H T lấy số tiền 25.000.000đ.

** Đinh Phương N tự nghĩ ra và đề xuất lãnh đạo Công ty trả máy may công nghiệp cho các đơn vị khác, rồi chiếm đoạt bán cho Đinh H T lấy số tiền 91.000.000đ.*

- Ngày 25/6/2018, Đinh Phương N cũng nói dối và cung cấp thông tin cho bộ phận kế toán lập phiếu xuất kho, xuất 01 máy định bộ hiệu Juki, mã số 2L1GG01275 (*do Lê Mạnh H ký phụ trách đơn vị, Đinh Phương N ký ở mục phụ trách cơ điện, Trần Thị T ký ở mục Người lập phiếu*) trả cho Công ty cổ phần May V H. Sau đó, Đinh Phương N cũng thuê Trần Quang P nhận vận chuyển. Lúc này, Trần Quang P điều động cho Nguyễn Văn Q là tái xế đến Công ty cổ phần May V H để nhận máy may công nghiệp vận chuyển ra tỉnh Quảng N để Đinh Phương N bán lại cho Đinh H T lấy số tiền 30.000.000đ.

- Ngày 06/8/2018, Đinh Phương N nói dối với bộ phận kế toán để lập phiếu xuất kho, xuất 01 máy định bộ hiệu Juki, mã số 2L1GJ01360 (do D Văn C ký ở mục phụ trách đơn vị, Nguyễn T L ký ở mục phụ trách Kế hoạch, Nguyễn Xuân T ký ở mục người lập phiếu) xuất trả cho Công ty cổ phần May V H. Sau đó, N thuê Trần Quang P nhận vận chuyển. Lúc này, Trần Quang P điều động cho Thái Trọng P (là tài xế lái xe) đến Công ty TNHH May V B nhận máy may công nghiệp, để N bán lại cho Đinh H T lấy số tiền 30.000.000đ.

- Ngày 30/8/2018, Đinh Phương N lập phiếu xuất kho, xuất 05 máy vắt sổ hiệu Juki, mã số 8MOEK13606, 8MOHF15688, 8MOHM03439, 8MOHM00797, 8LOHF 15698 (do Lê Mạnh H ký ở mục phụ trách đơn vị, Nguyễn T L ký ở mục phụ trách Kế hoạch, Phan Văn Dương ký ở mục Người lập phiếu) xuất trả cho Công ty TNHH May V T. Sau đó, Đinh Phương N thuê anh Trần Quang P chủ sở hữu xe ô tô tải biển số 77C-069.51 để P điều động Lê Văn T (là tài xế) đến Công ty TNHH May V B nhận vận chuyển ra tỉnh Quảng N (nhưng không rõ địa điểm nào) để N bán lại cho Đinh H T lấy số tiền 31.000.000đ.

* Đinh Phương N cũng nói dối yêu cầu các đơn vị khác như, Nhà máy may P, Công ty TNHH May V T, Công ty CP May T trả máy cho Công ty TNHH May V B, rồi chiếm đoạt bán cho Lê Thị Trúc N, Đinh H T lấy số tiền 182.000.000đ.

- Ngày 28/11/2016, Công ty TNHH May V B có cho Nhà máy may P mượn 01 máy thừa khuy tròn hiệu Juki, mã số 2M5HC00085 theo phiếu xuất kho PX056/CM-2016 (do Châu Quang V ký phụ trách đơn vị, Đinh Phương N ký ở mục phụ trách cơ điện, Trần Thị T ký ở mục Người lập phiếu). Sau đó, Đinh Phương N tự ý gọi điện thoại cho Nhà máy May P cử Nguyễn T T (nhân viên Nhà máy may P) chở đến Công ty TNHH May V B thì N yêu cầu chở đến giao cho Công ty TNHH S VN. Sau đó, Đinh Phương N nói dối “máy thừa khuy tròn này là của bạn N” nên bán lại cho Lê Thị Trúc N (Công ty TNHH S VN) lấy số tiền 70.000.000đ.

- Ngày 31/7/2017, Công ty TNHH May V B có cho Công ty TNHH May V T mượn 01 máy thừa khuy bằng hiệu Juki, mã số 2L0ML00211, theo phiếu xuất kho PX20TN/CM-2017 (do Nguyễn Văn L ký phụ trách đơn vị, Đinh Phương N ký ở mục phụ trách cơ điện, Nguyễn T Tuấn ký ở mục Người lập phiếu). Sau đó, Đinh Phương N tự ý gọi điện thoại đòi lại máy, rồi thuê Trần Quang P nhận vận chuyển. Lúc này, Trần Quang P điều động cho Nguyễn Văn Q là tài xế đến Công ty TNHH May V T nhận máy, rồi vận chuyển ra tỉnh

Quang N (không nhớ địa điểm) theo yêu cầu của N, để N bán lại cho Đinh H T lấy số tiền 42.000.000đ.

- Ngày 23/02/2017, Công ty TNHH May V B có cho Công ty CP May T mượn 01 máy thừa khuy tròn hiệu Juki, mã số 2M5HC00009, theo phiếu xuất kho PX01TQ/CM-2017 (do Châu Quang V ký phụ trách đơn vị, Đinh Phương N ký ở mục phụ trách cơ điện, Nguyễn T Tuấn ký ở mục Người lập phiếu) là có thật, nhưng sau đó Đinh Phương N tự ý yêu cầu Công ty cổ phần May T trả máy, rồi chiếm đoạt bán cho Đinh H T lấy số tiền 70.000.000đ.

Sau khi chiếm đoạt 18 máy may công nghiệp của Công ty TNHH May V B, Đinh Phương N bán lại cho Đinh H T thu với số tiền 441.000.000đ. Còn Đinh H T khi mua các máy may công nghiệp của Đinh Phương N thì bán cho Lê Văn T, bán cho tên Tịnh (không rõ lai lịch, địa chỉ), bán cho Trần Đức H (ở tại TP H Nội), bán cho Phạm Ngọc H- Giám đốc Công ty CP Thiết bị may T Đạt (trú tại: tỉnh Hưng Yên), bán cho Bùi Sĩ T - Giám đốc Công ty TNHH MTV và DV T (địa chỉ: \TP N Định), bán cho Nguyễn Văn S (SN: tỉnh Bắc Ninh) và bán cho khách vắng lai (không rõ họ tên, địa chỉ). Tất cả những người nêu trên khi mua và bán máy may công nghiệp thì không biết rõ nguồn gốc ở đâu mà N có được, nên đã bán lại cho những người (không nhớ họ tên địa chỉ). Hơn nữa, cơ quan điều tra đã xác minh tại Công an tỉnh Hưng Yên và tại Công an tỉnh Nam Định thì hiện không có tên Bùi Sĩ T ở địa chỉ nêu trên và ghi lời khai Lê Văn T, Trần Đức H và Nguyễn Văn Sơn đã mua và không nhớ đã bán cho ai, nên cơ quan điều tra không thu hồi được.

Ngày 24/9/2018, Lê Thị Trúc N đã tự nguyện giao trả lại máy thừa khuy tròn hiệu Juki, mã số 2LMHC00085 cho Công ty TNHH May V B.

Ngày 04/01/2019, Trần C tự nguyện giao trả cho Công ty TNHH May V B 03 máy may đã mua của Đinh Phương N, gồm 02 máy đính nút hiệu Juki có mã số 2L1HK01021, mã số 2L1HC02366 và 01 máy đính bọ hiệu Juki, mã số 2L1GG 01273.

Ngày 08/11/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng tỉnh Bình Định xác định 04 máy may các loại của Công ty TNHH V B bị Đinh Phương N chiếm đoạt, có giá trị 428.882.679 đồng, cụ thể như sau.

+ 01 (một) máy thừa khuy tròn hiệu Juki, mã số 2H5GC00012, có giá là 106.529.477 đồng

+ 01 (một) máy thừa khuy tròn hiệu Juki, mã số 2H5GC00014, có giá là 109.826.818 đồng

+ 01 (một) máy thừa khuy tròn hiệu Juki, mã số 2M5HC00085, có giá là 179.558.505 đồng

+ 01 (một) máy đính bộ hiệu Juki, đời máy LK-1900ANSS có giá là 32.967.879 đồng

Ngày 29/11/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng tỉnh Bình Định xác định 19 máy may các loại của Công ty TNHH V B bị Đinh Phương N chiếm đoạt có giá là 828.350.296 đồng; cụ thể như sau:

+ 01 (một) máy đính nút hiệu Juki, mã số 2LHK01021, có giá là 53.226.140đ.

+ 01 (một) máy đính nút hiệu Juki, mã số 2LHC02366, có giá là 73.556.307đ.

+ 01 (một) máy thừa khuy bằng, hiệu Juki, mã số 2LOHM00211, có giá là 84.353.115 đồng.

+ 01 (một) máy đính bộ, hiệu Juki, mã số 2L1HG01797, có giá là 48.191.235 đồng.

+ 01 (một) máy thừa khuy tròn, hiệu Juki, mã số 2M5HC00009, có giá là 174.606.965 đồng.

+ 01 (một) máy đính bộ, hiệu Juki, mã số 2L1GG01275, có giá là 29.649.913 đồng.

+ 01 (một) máy thừa khuy bằng, hiệu Juki, mã số 2LOHM00269, có giá là 79.391.167 đồng.

+ 01 (một) máy thừa khuy tròn, hiệu Juki, mã số 2LM5HH0001, có giá là 164.182.668 đồng.

+ 01 (một) máy đính bộ, hiệu Juki, mã số 2L1GJ01360, có giá là 33.846.083 đồng.

+ 01 (một) máy vắt sổ, hiệu Juki, mã số 8MOEK13606, có giá là 4.952.274 đồng.

+ 01 (một) máy vắt sổ, hiệu Juki, mã số 8MOHF15688, có giá là 10.044.490 đồng.

+ 01 (một) máy vắt sổ, hiệu Juki, mã số 8MOHM03439, có giá là 9.882.482 đồng.

+ 01 (một) máy vắt sổ, hiệu Juki, mã số 8MOHM00797, có giá là 9.882.482 đồng.

+ 01 (một) máy vắt sổ, hiệu Juki, mã số 8MOHF15698, có giá là 10.044.490 đồng.

+ 05 máy 01 kim hiệu Juki mã số 4DOHE15124, 4DOHE14967, 4DOHE15593, 4DOHE15054, 4DOHE14976 có giá là 42.540.485 đồng.

Như vậy, tổng cộng 23 máy may công nghiệp của Công ty TNHH May V B bị Đình Phương N chiếm đoạt có giá là 1.257.232.975đ.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 34/2020/HS-ST ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định

[1] Tuyên bố:

- Bị cáo Đình Phương N phạm tội “*Tham ô tài sản*”.

- Bị cáo Nguyễn Văn L, D Văn C, Lê Mạnh H phạm tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”.

- **Căn cứ vào:** Điểm a khoản 4 Điều 353; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm c, g khoản 1 Điều 52 BLHS.

- **Xử phạt:** Bị cáo Đình Phương N 20 (Hai mươi) năm tù về tội “*Tham ô tài sản*”.

- **Căn cứ vào:** Điểm d khoản 1 Điều 360; điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS.

- **Xử phạt:**

Bị cáo Nguyễn Văn L 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

Bị cáo D Văn C 9 (Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

Bị cáo Lê Mạnh H 6 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

Ngoài ra bản án còn quyết định về phần trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 23/9/2020 bị cáo Đình Phương N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt

Các bị cáo Nguyễn Văn L, D Văn C, Lê Mạnh H kháng cáo toàn bộ bản án. Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp Cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn L, D Văn C, Lê Mạnh H đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo, cho các bị cáo được hưởng án treo

Người bào chữa cho bị cáo Đinh Phương N đề nghị hội đồng xét xử xem xét hành vi của bị cáo N, theo Luật sư cho rằng hành vi của bị cáo N cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Luật sư cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì tại cấp phúc thẩm bị cáo đã nộp khắc phục thiệt hại số tiền là 20.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời khai nhận của bị cáo, ý kiến người bào chữa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan toàn diện và đầy đủ chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo Đinh Phương N vào ngày 17/9/2020 là ngày Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định Công ty TNHH May V B, là nguyên đơn dân sự là không đúng với quy định tại khoản 1 Điều 62 BLTT hình sự. Điều này làm ảnh hưởng đến quyền kháng cáo của Công ty TNHH May V B với tư cách là bị hại, tuy nhiên Tòa án cấp phúc thẩm không hủy án vì vi phạm này bởi lẽ: Về phần dân sự Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc bị cáo N phải bồi thường cho Công ty số tiền bị cáo chiếm đoạt là có căn cứ đúng pháp luật, đối với quyết định về tội danh và hình phạt của các bị cáo sẽ được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét trong nội dung xét kháng cáo của các bị cáo. Tại đơn kiến nghị ngày 28/7/2020 Công ty TNHH may V B cho rằng các bị cáo Nguyễn Văn L, D Văn C, Lê Mạnh H đều đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn được giao và đề nghị Hội đồng xét xử không xử lý các bị cáo về hình sự.

[2] Đinh Phương N được tuyển dụng vào Công ty TNHH May V B, chức vụ: phụ trách điện cơ. Với chức năng nhiệm vụ phụ trách bộ phận cơ điện như: vận hành, bảo quản, sửa chữa các thiết bị điện công nghiệp, máy may công nghiệp, lập phiếu xuất kho, theo dõi việc mượn hoặc cho các đơn vị trong ngành may mặc mượn và đòi lại máy móc, thiết bị để phục vụ sản xuất, kinh doanh. Do cần tiền tiêu xài và trả nợ nên trong khoảng thời gian từ ngày 28/11/2016 đến ngày 30/8/2019 Đinh Phương N đã lợi dụng chức trách nhiệm vụ được giao

và sự quản lý lỏng lẻo về tài sản của Ban lãnh đạo công ty nên bị cáo đã dùng thủ đoạn đưa ra thông tin sai sự thật là các Công ty may trên địa bàn tỉnh Bình Định, Quảng Ngãi, Đà Nẵng có yêu cầu mượn máy may công nghiệp của Công ty May V B, để các nhân viên, kế toán như: Trần Thị Kim C, Trần Thị T, Nguyễn T Tuấn, Phan Văn Dương, Nguyễn T L, Nguyễn Xuân T lập phiếu xuất kho theo yêu cầu của N rồi trình cho ban lãnh đạo: Châu Quang V, D Văn C, Nguyễn Văn L, Lê Mạnh H ký duyệt các phiếu xuất kho, xuất 23 máy may công nghiệp ra khỏi Công ty, Công ty tin tưởng là các Công ty khác mượn nhưng thực tế bị cáo đã chiếm đoạt 23 máy may công nghiệp, đưa ra khỏi công ty bán cho Đinh H T 18 máy may công nghiệp với số tiền 441.000.000 đồng; bán cho Phạm Ngọc A 01 máy may công nghiệp với giá 64.000.000 đồng; bán cho Trần C 03 máy may công nghiệp với giá 96.000.000 đồng; bán cho Lê Thị Trúc N 01 máy với giá 70.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt theo kết quả định giá trong Tổ tụng hình sự là: 1.257.232.975 đồng. Trong đó, có 04 máy may công nghiệp thu hồi trả lại cho Công ty.

Với hành vi của bị cáo Đinh Phương N nêu trên Bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Tham ô tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 353 BLHS là có căn cứ đúng pháp luật. Bị cáo là người trực tiếp được giao bảo quản theo dõi việc cho mượn hoặc đòi lại của các công ty khác các máy móc trong kho; do vậy hành vi của bị cáo cấu thành tội “ Tham ô tài sản” chứ không phải tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” như ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo.

[3] Xét đơn kháng cáo của bị cáo Đinh Phương N; Hội đồng xét xử xét thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những xâm phạm đến tài sản của Nhà nước mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình sản xuất và kinh doanh của doanh nghiệp. Bị cáo Đinh Phương N đã lợi dụng chức trách, nhiệm vụ được giao để phạm tội và phạm tội nhiều lần. Bản án sơ thẩm đã xem xét đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội và hậu quả do bị cáo gây ra, đồng thời áp dụng đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo mức án 20 năm tù là thỏa đáng và không nặng. Tại cấp phúc thẩm bị cáo Đinh Phương N xuất trình 01 biên lai thu tiền là 20.000.000 đồng thể hiện đã khắc phục thiệt hại, tuy nhiên xét thấy đây là khoản tiền rất nhỏ so với số tiền bị cáo đã chiếm đoạt, do vậy cũng không làm thay đổi mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo nên đơn kháng cáo của bị cáo Đinh Phương N là không có căn cứ được chấp nhận.

[4] Xét đơn xin kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn L, D Văn C, Lê Mạnh H; Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Đối với các bị cáo Nguyễn Văn L, D Văn C, Lê Mạnh H là các Phó giám đốc Công ty TNHH May V B khi ký duyệt các phiếu xuất kho xuất máy may công nghiệp ra khỏi Công ty đã không kiểm tra, kiểm soát kỹ lưỡng việc các Công ty may khác có yêu cầu mượn máy may công nghiệp của Công ty V hay không? mà tin tưởng Đinh Phương N nên đã ký duyệt trên các phiếu xuất kho, xuất máy may công nghiệp ra khỏi Công ty để Đinh Phương N chiếm đoạt 23 máy may trị giá 1.257.232.975 đồng. Trong đó, Nguyễn Văn L đã ký 5 phiếu xuất kho, xuất 05 máy may công nghiệp trị giá 391.329.977 đồng; D Văn C ký duyệt 02 phiếu xuất kho, xuất 03 máy may công nghiệp trị giá 230.996.630 đồng; Lê Mạnh H ký 02 phiếu xuất kho, xuất 12 máy may công nghiệp trị giá 196.387.783 đồng.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn L, D Văn C, Lê Mạnh H bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 360 BLHS là có căn cứ.

[4.2] Xét tính chất mức độ và nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng:

Trong vụ việc này bị cáo Đinh Phương N đã lợi dụng chức trách nhiệm vụ được giao, có ý lừa dối Lãnh đạo và các cán bộ phòng ban khác trong công ty V B để chiếm đoạt tài sản. Về phía các bị cáo đã không kiểm tra, kiểm soát kỹ lưỡng việc các Công ty may khác có yêu cầu mượn máy may công nghiệp của Công ty V hay không mà tin tưởng Đinh Phương N nên đã ký duyệt trên các phiếu xuất kho. Tuy nhiên trước khi các bị cáo ký duyệt trên phiếu xuất kho thì cũng đã có chữ ký của những người có trách nhiệm theo nhiệm vụ được giao như chữ ký của kế toán và bộ phận kế hoạch, do vậy đã chủ quan không làm hết trách nhiệm của mình.

Xét thấy; tại đơn kiến nghị ngày 28/7/2020 Công ty TNHH may V B cho rằng các bị cáo đều đã thực hiện đúng trách nhiệm của mình được giao đồng thời đã xác nhận các bị cáo Nguyễn Văn L, D Văn C, Lê Mạnh H trong vụ án này trước mắt đã thay Đinh Phương N khắc phục thiệt hại cho Công ty TNHH may V B, ngoài ra sau khi phát hiện Đinh Phương N có hành vi phạm tội các bị cáo đã kịp thời thực hiện việc kiểm tra đối chiếu sổ sách với các đơn vị liên quan thu thập chứng cứ để cung cấp cho cơ quan điều tra nhanh chóng điều tra tội phạm, hạn chế mức thấp nhất hậu quả của tội phạm và thu hồi được một

phần tài sản cho Công ty. Vì vậy; Bản án sơ thẩm áp dụng cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là bồi thường khắc phục thiệt hại là phù hợp.

[4.3] Tại cấp phúc thẩm hôm nay các bị cáo đều khai báo về hành vi của mình đồng thời đã thừa nhận hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, *(tại cấp sơ thẩm các bị cáo chưa nhận thức đầy đủ về việc làm thiếu trách nhiệm của mình nên cho rằng đã làm hết trách nhiệm nhưng do bị cáo N lừa dối nên dẫn đến việc thiệt hại cho Công ty)* và đề nghị xem xét để cho các bị cáo có cơ hội được tiếp tục công tác, phục vụ trong Công ty, do đó tại cấp phúc thẩm các bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ là thật thà khai báo và ăn năn hối cải. *(thái độ ăn năn hối cải của các bị cáo thể hiện ở việc cùng nhau thực hiện việc khắc phục thiệt hại cho Công ty do hành vi phạm tội của bị cáo N gây ra và có việc làm tích cực để sớm làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo N như ý kiến của Công ty V B đã nêu trên).*

Xét thấy, tại đơn khiếu nại ngày 28/7/2020 (**BL 950**) Công ty TNHH may V B có nội dung đề nghị Tòa án xem xét đến nguyên nhân dẫn đến sự vi phạm của các bị cáo đồng thời xem xét đến quá trình công tác cống hiến của các bị cáo cho công ty và cho rằng; nếu các bị cáo bị xét xử về hình sự có thể dẫn đến hậu quả nặng nề nhất là Công ty không có người quản lý, phải giải thể không thể tiếp tục hoạt động để tạo công ăn việc làm cho người lao động tại huyện H. Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 22 tháng 6 năm 2021 Công ty TNHH may V B tiếp tục có đơn đề nghị với tòa án xin cho các bị cáo có cơ hội được tiếp tục làm việc tại công ty. Hội đồng xét xử coi đó là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS để xem xét khi áp dụng hình phạt cho các bị cáo. Từ những phân tích đánh giá nêu trên, xét đơn xin kháng cáo của từng bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy:

* Đối với bị cáo Lê Mạnh H trong vụ án này bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 06 tháng tù theo khoản 1 Điều 360 BLHS. Tại cấp phúc thẩm Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và có tình tiết quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú và làm việc rõ ràng, ổn định có nhiều tình tiết giảm nhẹ không có tình tiết tăng nặng, xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù vì các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội, việc cho các bị cáo hưởng án treo là đúng với quy định tại Điều 65 BLHS và nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Do vậy hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo và ý kiến đề nghị của Công ty TNHH may V B cho các bị cáo được

hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cũng đủ giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

* Đối với bị cáo D Văn C bị tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 9 (Chín) tháng tù theo khoản 1 Điều 360 BLHS, xét thấy mặc dù bị cáo tại cấp phúc thẩm có thêm tình tiết giảm nhẹ là thật thà khai báo và được Công ty TNHH may V B có đơn xin cho bị cáo hưởng án treo, nhưng xét thấy mức án của bị cáo là cao hơn mức án của bị cáo H mặt khác mức án 09 tháng tù như cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là phù hợp vì thế đơn kháng cáo của bị cáo D Văn C không được chấp nhận.

* Đối với bị cáo Nguyễn Văn L là bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt theo khoản 1 Điều 360 BLHS mức án cao hơn 02 bị cáo H và C (12 tháng tù). Tuy nhiên cũng như bị cáo H, tại cấp phúc thẩm Bị cáo L có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và có tình tiết quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú và làm việc rõ ràng, ổn định có nhiều tình tiết giảm nhẹ không có tình tiết tăng nặng, ngoài ra bị cáo L tại cấp phúc thẩm chứng minh được bị cáo có bố và mẹ là ông Nguyễn Văn Quyền và bà Nguyễn Thị Miên đều là người được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng 3, mặt khác bản thân bị cáo L hiện nay đang bị bệnh “Động kinh triệu chứng có khu trú (cục bộ) và hội chứng động kinh có cơn động kinh cục bộ phức hợp”, cần phải được tiếp tục uống thuốc và theo dõi, theo giấy ra viện ngày 12/3/2021 của Bệnh viện tâm thần Trung Ương 2.

Xét thấy: bị cáo L có mức án cao hơn bị cáo C nhưng bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú và làm việc rõ ràng, ổn định có nhiều tình tiết giảm nhẹ không có tình tiết tăng nặng, và thực tế hiện nay bị cáo đang bị bệnh động kinh nên xét thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù vì bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội, việc cho các bị cáo hưởng án treo là đúng với quy định tại Điều 65 BLHS và Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Do vậy hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo và ý kiến đề nghị của Công ty TNHH may V B cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cũng đủ giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội đồng thời thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

Về án phí: Bị cáo Đinh Phương N, D Văn C phải chịu án phí phúc thẩm hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Đinh Phương N và đơn kháng cáo của bị cáo D Văn C.

2. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn L, Lê Mạnh H. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 34/2020/HS-ST ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

[1] *Tuyên bố:*

- Bị cáo Đinh Phương N phạm tội “*Tham ô tài sản*”.

- Bị cáo Nguyễn Văn L, D Văn C, Lê Mạnh H phạm tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”.

- **Căn cứ vào:** Điểm a khoản 4 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm c, g khoản 1 Điều 52 BLHS.

- **Xử phạt:** Bị cáo Đinh Phương N 20 (Hai mươi) năm tù về tội “*Tham ô tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày 28/8/2019.

- **Căn cứ vào:** Điểm d khoản 1 Điều 360; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

- **Xử phạt:**

Bị cáo D Văn C 09 (Chín) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- **Căn cứ vào:** Điểm d khoản 1 Điều 360; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS.

- **Xử phạt:**

Bị cáo Nguyễn Văn L 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (23/6/2021).

Bị cáo Lê Mạnh H 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (23/6/2021).

Giao bị cáo Lê Mạnh H cho UBND phường 10, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Nguyễn Văn L cho UBND phường 9, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Về án phí:

- Án phí HSPT: Bị cáo Đinh Phương N, D Văn C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Các Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Bình Định;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Bình Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Định;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Mai Xuân Thành

